

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo ở Việt Nam và một số đề xuất chính sách

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã điều chỉnh, cải cách các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các dự án vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) xanh. Điều này mở ra cơ hội cho Việt Nam tiếp nhận nhiều hơn các dự án thân thiện môi trường vào Việt Nam, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực năng lượng tái tạo (NLTT). Trong bối cảnh nhiều nguồn tài nguyên đang dần cạn kiệt, biến đổi khí hậu tăng, NLTT, năng lượng mới được đầu tư phát triển, triển vọng sẽ trở thành nguồn năng lượng chủ đạo trong tương lai, vốn FDI vẫn tiếp tục được xác định là kênh đầu tư quan trọng để Việt Nam xây dựng nền kinh tế xanh và hiện thực hóa nhanh các định hướng phát triển. Bài viết này phân tích thực trạng thu hút vốn FDI vào ngành NLTT và tình hình tiêu thụ năng lượng của khu vực FDI cùng với các chính sách thu hút vốn FDI xanh nói chung và NLTT nói riêng, từ đó đưa ra hàm ý chính sách tăng cường thu hút FDI vào các ngành NLTT trong thời gian tới.

Từ khóa: NLTT, FDI, môi trường.

In recent years, Vietnam has adjusted and reformed mechanisms and policies to encourage green foreign direct investment (FDI) projects. This opens up opportunities for Vietnam to receive more environmentally friendly projects, especially those in the field of renewable energy (RE). In the context that natural resources are gradually depleted and climate change increases, RE and new energy are developed with the expectation to become the major energy source in the future. FDI continues to be considered as an important capital channel for Vietnam to build a green economy and quickly realize development orientations. This article analyzes the state of attracting FDI into the RE industry, the energy consumption situation of the FDI sector, and policies to attract green FDI in general and RE in particular, thereby providing policy implications to strengthen the attraction of FDI into RE industries in the coming time.

Keywords: RE, FDI, environment.

Ngày nhận bài: 19/12/2022

Ngày nhận phản biện, đánh giá và sửa chữa: 29/12/2022

Ngày duyệt đăng: 03/01/2023

1. Vai trò của thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm phát triển năng lượng tái tạo

Tổng quan nghiên cứu thực nghiệm và các minh chứng thực tế đã cho thấy, việc thu hút vốn FDI có vai trò quan trọng đối

với phát triển NLTT của một quốc gia. Thông qua hoạt động tiếp nhận vốn FDI vào trong nước, các quốc gia có cơ hội áp dụng thực hành quản lý tốt hơn và nhập khẩu công nghệ tiên tiến hơn, phát triển các công cụ khai thác, sản xuất xanh hơn từ các

công ty đa quốc gia (MNCs) sẽ giúp ngành NLTT trong nước phát triển.

Zarsky (1999) đã xây dựng khung phân tích về mối quan hệ tiềm năng giữa FDI và môi trường, bao gồm các tác động cả ở cấp vi mô (vị trí của ngành, kết quả hoạt động bảo vệ môi trường - BVMT của doanh nghiệp) và vĩ mô (hệ sinh thái, văn hóa bản địa...). Với đối tượng nghiên cứu là các nước đầu tư thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế và nước nhận đầu tư là các quốc gia đang phát triển, nghiên cứu này đã cho thấy rằng các tiêu chuẩn về môi trường ở MNCs gần như không có sự khác biệt tại các địa điểm hoạt động của mình và MNCs đang từng bước giúp cải thiện hoạt động môi trường của họ ở nhiều nơi trên thế giới chủ yếu để đáp ứng các quy định về BVMT của quốc gia sở tại và/hoặc áp lực của cộng đồng địa phương. Nghiên cứu đã chỉ ra ảnh hưởng tích cực này lan rộng đến cả sản lượng công nghiệp, phát triển NLTT và việc cải thiện chuẩn mực môi trường của các quốc gia nhận đầu tư.

Görg ve Strobl (2004) nghiên cứu về sự hiện diện của MNCs tại Ireland. Bằng phương pháp hồi quy và lập luận thực tế, nghiên cứu đã chỉ ra rằng MNCs đầu tư trực tiếp ra nước ngoài sẽ có xu hướng phổ biến công nghệ sạch, ít gây hại cho môi trường vì họ có công nghệ tiên tiến hơn các công ty nội địa ở nước sở tại, qua đó thúc đẩy phát triển NLTT.

Bên cạnh đó, MNCs cũng có xu hướng chia sẻ công nghệ xanh với các công ty trong nước ở nước sở tại. Birdsall và Wheeler (1993), Chudnovsky và L'opez (1999) đã thừa nhận tác động lan tỏa của vốn FDI khi lập luận rằng vốn FDI có xu hướng xuất khẩu công nghệ xanh tiên tiến đến những đối tác ở các nước nhận đầu tư kèm theo các chuẩn mực môi trường quốc tế được áp dụng. Chudnovsky và L'opez

(1999) đã xem xét tác động của vốn FDI đến môi trường tại các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia, Mỹ La-tinh đối với các công ty xuyên quốc gia (TNCs) của Đan Mạch và Đức. Nghiên cứu đã chỉ ra vai trò của vốn FDI đối với môi trường tại các nước nhận đầu tư thông qua chuyển giao các công nghệ thân thiện hơn với môi trường của TNCs giúp phát triển ngành NLTT với bằng chứng rõ nét thể hiện ở các nước Mỹ La-tinh. Theo đó, TNCs lớn khi đầu tư vào các nước Mỹ La-tinh đã mang theo những công nghệ tiên tiến, đồng thời mang theo những tiêu chuẩn về môi trường đang được áp dụng tại các công ty mẹ đã góp phần cải thiện môi trường rõ nét ở các quốc gia này.

Gallagher và Zarsky (2007) cho rằng, vốn FDI có khả năng mang lại ba loại hiệu ứng xanh giúp giảm phát thải nhà kính, phát triển NLTT và cải thiện các ảnh hưởng về môi trường, cụ thể như: Chuyển giao công nghệ sạch ít gây ô nhiễm hơn cho các chi và sử dụng hiệu quả đầu vào hơn so với sản xuất trong nước (Công nghệ sạch hơn); bước nhảy vọt về công nghệ, theo đó vốn FDI góp phần chuyển giao các công nghệ sản xuất hiện đại và kiểm soát ô nhiễm (công nghệ xanh nhất); tác động lan tỏa đến các doanh nghiệp trong nước thông qua việc chuyển giao các thực hành tốt nhất về quản lý môi trường đến các chi nhánh, nhà máy sản xuất ở các nước sở tại, đồng thời lan tỏa đến các đối thủ cạnh tranh và nhà cung cấp trong nước.

Nghiên cứu cũng cho rằng, trong những năm gần đây, MNCs ngày càng chịu áp lực lớn hơn trong việc sử dụng các công nghệ xanh ở các nước đang phát triển và mới nổi do thị trường xuất khẩu của các công ty này tại các nước đang ngày càng lớn và nhận thức của người tiêu dùng về môi trường ngày càng cao hơn.

Theo Felipe Calderon et Al., (2013), vốn FDI xanh là phương thức quan trọng để thúc đẩy phát triển NLTT, giảm phát thải khí nhà kính đồng thời tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc - UNDP (2018) cho biết, việc tăng tham vọng giảm phát thải khí nhà kính hơn mức cam kết trong đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) hiện tại có thể làm cho GDP của Việt Nam tăng nhanh hơn; tạo ra các công việc xanh và sạch mới; tăng các mặt hàng xuất khẩu nhờ hiện đại hóa công nghệ và nâng cao hiệu suất. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải sử dụng các cơ hội và định hướng cho việc mở rộng NLTT và tăng hiệu quả năng lượng. Chính phủ Việt Nam hiện đang trong giai đoạn rà soát NDC và đang xem xét điều chỉnh các mục tiêu giảm phát thải.

Liên hợp quốc (2019) trong nghiên cứu về vai trò của nguồn vốn FDI với năng lượng sạch của Việt Nam đã khẳng định, với việc chiếm gần 70% năng lực sản xuất công nghiệp, mức độ tiêu thụ năng lượng đặc biệt lớn, khu vực FDI ở Việt Nam đang có những tác động lớn về mặt môi trường thông qua việc gia tăng phát thải nhà kính từ các hoạt động sản xuất, tiêu thụ nhiều năng lượng ở khu vực này. Ở một khía cạnh khác, nếu tăng cường thu hút vốn cho các ngành năng lượng sạch, khu vực FDI lại đóng vai trò quan trọng trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia cũng như Chiến lược tăng trưởng xanh, đặc biệt trong bối cảnh vốn hỗ trợ phát triển chính thức sẽ ngày càng bị hạn chế. UNDP Việt Nam (2018) đã rà soát mỗi quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài và chỉ ra rằng, “ít nhất 10 tỷ USD” vốn nước ngoài đang có sẵn để hỗ trợ chuyển đổi sang năng lượng sạch hơn và tiết kiệm năng lượng của Việt Nam nếu các rào cản bị loại bỏ.

Phùng Thanh Quang và cộng sự (2022) trong nghiên cứu về mối quan hệ giữa vốn FDI và tăng trưởng kinh tế xanh ở các nền kinh tế Đông Nam Á đã sử dụng mô hình ngưỡng cho dữ liệu bảng động với số liệu sử dụng trong giai đoạn 2000 - 2018 đã cho thấy, vốn FDI có tác động tích cực đến tiến độ thực hiện tăng trưởng xanh và phát triển năng lượng sạch ở các nền kinh tế. Tác động rõ ràng hơn được nhận thấy ở nhóm các nền kinh tế ASEAN có mức phát triển tài khóa cao. Kết quả nghiên cứu cũng khẳng định giả thuyết vốn FDI có thể thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển NLTT của quốc gia. Nghiên cứu cũng khuyến nghị các điều chỉnh các ưu tiên kinh tế để cải thiện chính sách tài khóa xanh, cải cách các chương trình tích hợp tài khóa, lập kế hoạch tạo việc làm xanh và thực hiện các chính sách thu hút vốn FDI và một số hàm ý chính sách quan trọng đối với giai đoạn sau dịch Covid-19.

2. Nhu cầu về năng lượng tái tạo tại Việt Nam

Việt Nam đã và đang chủ động triển khai các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia như NDC theo Thỏa thuận khí hậu Paris của Công ước khung của Liên Hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC). Theo đó, cam kết giảm lượng phát thải hằng năm với nguồn lực trong nước ở mức 15,8% nếu so sánh với kịch bản thông thường hoặc 43,5% với điều kiện có hỗ trợ quốc tế tới năm 2030. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 với các trụ cột quan trọng là giảm cường độ phát thải nhà kính, thúc đẩy NLTT; xanh hóa sản xuất, lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Trong bối cảnh nhiều nguồn tài nguyên đang dần cạn kiệt, biến đổi khí hậu gia tăng, xu hướng phát triển nền kinh tế xanh và bền vững đang trở thành xu thế của thời

đại, NLTT, năng lượng mới được đầu tư phát triển và triển vọng sẽ trở thành nguồn năng lượng chủ đạo trong tương lai thì vốn FDI vẫn tiếp tục được xác định là kênh đầu tư quan trọng để Việt Nam xây dựng nền kinh tế xanh, giúp Việt Nam hiện thực hóa nhanh các định hướng phát triển.

Xu hướng toàn cầu tác động tới Việt Nam chủ yếu là hoạt động tích cực mua NLTT của nhiều tập đoàn. Hiện có 174 công ty (bao gồm một số thương hiệu nổi tiếng nhất thế giới) đã ký tham gia RE100¹ và thậm chí đưa ra lộ trình cụ thể tiến tới cam kết sử dụng 100% NLTT. Những thành viên này có tổng nhu cầu NLTT lên đến 188 TWh. Chỉ riêng tại Hoa Kỳ, hợp đồng mua bán điện mặt trời của các tập đoàn đạt tổng cộng 6,43 GW (tính đến ngày 14/12/2018), tăng 131% so với năm 2017 và tăng 436% so với tổng năm 2014.

Các tập đoàn toàn cầu có đại diện tại Việt Nam đã thể hiện sự quan tâm trong việc mua NLTT thông qua Thỏa thuận mua điện trực tiếp (DPPA) được đề xuất, đặc biệt là mô hình “cuốn chiếu”, nơi nhà sản xuất điện và người dùng cuối có thể trực tiếp ký hợp đồng cung cấp năng lượng sạch. Người dùng cuối giờ đây có thể mong đợi nhận được các hợp đồng cung cấp dài hạn hơn cho NLTT với chi phí bằng hoặc thấp hơn chi phí điện từ các nguồn năng lượng hỗn hợp được cung cấp bởi các tiện ích điện. Đề xuất DPPA là một bước quan trọng trong việc cung cấp quyền truy cập thị trường lớn hơn cho các nhà sản xuất điện độc lập và người dùng cuối.

Xu hướng tăng trưởng nhu cầu năng lượng ở Việt Nam được dự báo còn tiếp tục, kết hợp với việc khai thác tối đa tiềm năng của các nguồn nhiên liệu hóa thạch trong nước, thủy điện và sinh khối dự kiến trong tương lai (đặc biệt là trữ lượng dầu thô và khí thiên nhiên), có thể đặt ra một thách thức đối với cung cấp năng lượng bền vững ở mức chi phí hệ thống thấp nhất. Cam kết tiếp tục thực hiện các mục tiêu NLTT đối với ngành điện đã được đề ra trong Chiến lược Phát triển NLTT có thể làm giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu năng lượng sau năm 2030, đặc biệt là than, bằng cách huy động các nguồn NLTT trong nước để cung cấp cho phát điện (chủ yếu là điện mặt trời nhưng cũng có cả điện gió). Ngoài ra tỷ lệ áp dụng nhiều hơn các công nghệ tiết kiệm năng lượng có thể làm giảm thêm nhu cầu năng lượng cuối cùng, từ đó làm tăng khả năng độc lập về năng lượng ở Việt Nam.

3. Thực trạng chính sách và kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào năng lượng tái tạo ở Việt Nam

3.1. Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Luật và quy định về đầu tư của Việt Nam

Trong khoảng 20 năm qua, những thay đổi quan trọng trong chính sách thu hút vốn FDI ngày càng tập trung, chọn lọc các nguồn vốn FDI có ít tác động tiêu cực đến môi trường. Luật Đầu tư năm 2020 đưa ra khung chính sách khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài đầu tư trong một số ngành/lĩnh vực thân thiện với môi trường như: Năng

1 RE100 là một sáng kiến toàn cầu do tổ chức phi lợi nhuận quốc tế The Climate Group cùng tổ chức CDP sáng lập nhằm kêu gọi các công ty trong danh sách Global Fortune 500 cùng thực hiện cam kết sử dụng 100% NLTT (từ điện mặt trời, năng lượng gió, thủy điện, nhiệt điện sinh khối, điện địa nhiệt hoặc các nguồn năng lượng tái tạo khác) trong khung thời gian ngắn nhất có thể. Từ khi được ra mắt vào năm 2014, sáng kiến này đã lan rộng khắp châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, châu Á - Thái Bình Dương... với số thành viên hiện tại khoảng 300. Trong đó, có nhiều thành viên là các tập đoàn đa quốc gia thuộc nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau, từ công nghệ thông tin, sản xuất ô tô, hàng tiêu dùng, thực phẩm, hóa chất...

lượng mới, năng lượng sạch, NLTT, sản phẩm tiết kiệm năng lượng; thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải. Bên cạnh đó, những vùng được khuyến khích đầu tư bao gồm những vùng phát triển kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Nhờ vậy, việc thu hút vốn FDI sẽ giúp đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

Ưu đãi FDI cho hoạt động BVMT

Luật BVMT năm 2020 quy định chung đối với hoạt động đầu tư cho BVMT sẽ nhận được ưu đãi, hỗ trợ về tài chính, đất đai. Các hoạt động FDI cho BVMT bao gồm chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao và công nghệ thân thiện với môi trường, hoạt động quản lý và tái chế chất thải, công trình BVMT. Các doanh nghiệp FDI cũng được khuyến khích để đầu tư cho phát triển NLTT, sản xuất sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường. Ngoài ra, đối với một số lĩnh vực hoạt động môi trường cụ thể, Nhà nước quy định những chính sách ưu đãi chi tiết. Cụ thể:

Đối với hoạt động liên quan đến quản lý chất thải: Nhà nước khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải và thu hồi năng lượng từ chất thải. Khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường. Do vậy, những doanh nghiệp FDI đầu tư vào những lĩnh vực này sẽ được hưởng ưu đãi theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu.

Đối với vốn FDI cho các hoạt động dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung sẽ được hưởng ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định và được hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào bằng nguồn vốn của ngân sách địa phương, theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải.

Nhằm BVMT khu công nghiệp, ngày 30/6/2015, Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT đã được ban hành về BVMT khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao nhằm khuyến khích doanh nghiệp FDI áp dụng công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, đặc biệt đối với các ngành công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất thải gây ô nhiễm môi trường không khí lớn.

Một chính sách quan trọng trong chiến dịch thu hút vốn FDI thân thiện với môi trường là Đề án Phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025. Theo đó, Đề án khuyến khích thu hút nguồn vốn FDI để phát triển ngành công nghiệp môi trường và các doanh nghiệp FDI này được hưởng các chính sách ưu đãi cao nhất về vốn, thuế và đất đai.

Ưu đãi FDI cho ngành sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 và Nghị định số 21/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật: Đối với dự án FDI áp dụng thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, doanh nghiệp sẽ được nhận các ưu đãi về đất đai cùng với các ưu đãi về thuế xuất, nhập khẩu và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và giá năng lượng. Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 về Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030: Tìm kiếm, huy động, triển khai các dự án hỗ trợ kỹ thuật, dự án hỗ trợ đầu tư liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực quy định việc lập quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực; tiết kiệm điện; các thị trường điện và

những vấn đề khác. Luật số 24/2012/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực: Đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới, NLTT để phát điện; có chính sách ưu đãi đối với dự án đầu tư phát triển nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng mới, NLTT.

Ngoài ra, một số chính sách ưu đãi cụ thể từng ngành bao gồm: (i) Đối với các lĩnh vực mà FDI cho hoạt động sản xuất liên quan đến sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả sẽ được vay vốn ưu đãi và được miễn, giảm thuế TNDN theo quy định. Nếu doanh nghiệp FDI có hoạt động nhập khẩu sản phẩm, thiết bị, công nghệ tiên tiến tiết kiệm nước thì cũng sẽ được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo Nghị định số 54/2015/NĐ-CP quy định về ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; (ii) Đối với lĩnh vực đầu tư xây dựng, cải tạo công trình giao thông lựa chọn công nghệ giải pháp thi công tiết kiệm năng lượng, tối ưu hóa nguồn cung ứng nguyên, vật liệu nhằm giảm khối lượng vận chuyển, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, hạn chế ô nhiễm môi trường sẽ được nhà nước khuyến khích đầu tư theo Thông tư số 64/2011/TT-BGTVT ngày 26/12/2011 quy định biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động giao thông vận tải.

Ưu đãi FDI cho lĩnh vực thủy lợi, thủy điện

Nhằm chọn lọc thu hút vốn FDI theo hướng phát triển thủy điện bền vững, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện. Cụ thể, lựa chọn được chủ đầu tư dự án thủy điện có năng lực và kinh nghiệm cao nhất để thực hiện đầu tư dự án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đối với môi trường xã hội.

Ngoài ra, các dự án FDI cho các hoạt động liên quan đến quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường các hồ chứa cũng được khuyến khích thu hút theo Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

Ưu đãi FDI cho các ngành sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường

Ngày 25/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2012, tầm nhìn 2050; năm 2021, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 được phê duyệt. Chiến lược đưa ra mục tiêu trung hòa các-bon, giảm phát thải nhà kính trên GDP. Các chính sách tập trung vào thu hút FDI xanh chủ yếu thông qua các ngành NLTT và FDI sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

Hiện nay, Việt Nam đang cho phép miễn 50% thuế đối với thu nhập từ chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước (đặc biệt ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn). Ngoài ra, Luật Thuế TNDN đưa ra ưu đãi khá tốt cho các doanh nghiệp đầu tư công nghệ cao, các dự án thân thiện với môi trường, với mức ưu đãi từ 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường và sản xuất NLTT, phát triển công nghệ sinh học.

Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt, trong đó quy định về mức, thời gian và điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư. Theo đó, các dự án đầu tư FDI đáp ứng được 1 trong 4 tiêu chí sau:

(i) Là dự án công nghệ cao mức 2; (ii) Có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi mức 2; (iii) Giá trị gia tăng chiếm hơn 40% trong giá thành toàn bộ của sản phẩm đầu ra cuối cùng mà tổ chức kinh tế cung cấp; (iv) Đáp ứng tiêu chí chuyển giao công nghệ mức 2 sẽ được hưởng nhiều ưu đãi về thuế TNDN, tiền thuê đất, thuê mặt nước như: Đối với thuế TNDN được miễn thuế 5 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 10 năm tiếp theo đối với dự án công nghệ cao mức 2; miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 12 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi mức 2; miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 13 năm tiếp theo đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có giá trị gia tăng chiếm hơn 40% trong giá thành toàn bộ của sản phẩm đầu ra cuối cùng mà tổ chức kinh tế cung cấp...

Ưu đãi FDI cho NLTT

Năng lượng tái tạo là một nguồn thu hút vốn FDI lớn nhất trong những năm gần đây. Hầu hết vốn FDI cho lĩnh vực này được coi là FDI xanh. Đến nay, Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số văn bản quan trọng nhằm thúc đẩy việc thu hút vốn FDI cho phát triển NLTT ở Việt Nam. Cụ thể:

Đối với các dự án FDI tham gia vào việc phát triển và sử dụng NLTT sẽ được hưởng các ưu đãi về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước. Ngoài ra, các dự án này được miễn thuế nhập khẩu, miễn, giảm thuế TNDN và miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển NLTT của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đối với dự án FDI tham gia các hoạt động điện lực có liên quan đến phát triển

các dự án điện gió, điện mặt trời tại Việt Nam, ngoài các ưu đãi về tín dụng đầu tư, thuế nhập khẩu và thuế TNDN, sẽ được hưởng ưu đãi về hạ tầng đất đai bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện quốc gia. Theo văn bản hợp nhất của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 và Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam, Nhà nước hỗ trợ cho các dự án điện gió về vốn đầu tư, đất đai.

Ưu đãi về vốn đầu tư, thuế, phí: Theo quy định, nhà đầu tư được huy động vốn dưới các hình thức pháp luật cho phép từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện các dự án điện gió. Các dự án điện gió được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư của Nhà nước. Cụ thể, về thuế nhập khẩu, dự án điện gió được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án, hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để phục vụ sản xuất của dự án theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Về thuế TNDN và thuế suất thuế TNDN, việc miễn, giảm thuế TNDN đối với dự án điện gió được thực hiện như đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Luật Đầu tư, Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, Luật Thuế TNDN.

Ưu đãi về hạ tầng đất đai: Hiện nay, các dự án điện gió và công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện quốc gia được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư. Căn cứ vào quy

hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giao đất để chủ đầu tư thực hiện các dự án điện gió. Việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

Ngoài ra, Nhà nước cũng sẽ hỗ trợ giá điện cho bên mua điện đối với toàn bộ sản lượng điện mua từ các nhà máy điện gió (theo Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg và được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg), giúp phát triển các dự án điện mặt trời, điện gió (chủ yếu là các nhà đầu tư tư nhân).

Đối với các dự án FDI liên quan đến phát triển điện mặt trời tại Việt Nam: Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam được thể hiện trong Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 và Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam; Chương trình thúc đẩy phát triển điện mặt trời áp mái tại Việt Nam nhằm khuyến khích các tổ chức cá nhân đầu tư vào lĩnh vực này. Với mục tiêu đến năm 2025, trên cả nước sẽ có 100 nghìn hệ thống điện mặt trời áp mái. Ngoài ra, các dự án điện mặt trời được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án; thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ sản xuất của dự án là nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được. Việc miễn, giảm thuế TNDN đối với dự án điện mặt trời được thực hiện như đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế. Về ưu đãi đất đai, Quyết định quy định các dự án điện mặt trời, công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước theo quy định của pháp luật

hiện hành áp dụng cho dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

Đối với dự án FDI liên quan đến phát triển các dạng năng lượng ít ảnh hưởng và góp phần cải thiện môi trường: Năng lượng mới và tái tạo; sử dụng chất phế thải của nông, lâm nghiệp, rác thải của các thành phố để phát điện... sẽ nhận được hỗ trợ về đầu tư, thuế theo Quyết định số 1264/QĐ-TTg ngày 01/10/2019 về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.2. Kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào năng lượng tái tạo tại Việt Nam

Giai đoạn 2009 - 2016

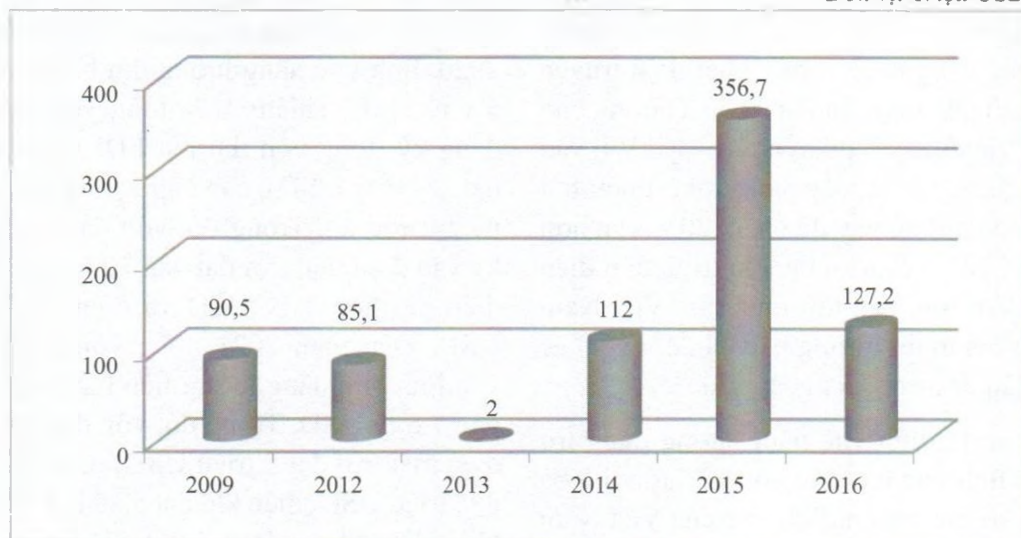
Trong giai đoạn này, trong số 110 dự án FDI sản xuất điện, khí đốt, Việt Nam đã thu hút được 16 dự án FDI trong lĩnh vực NLTT, với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 778 triệu USD, chiếm 14,5% về số dự án và 6% tổng số vốn đầu tư đăng ký trong ngành điện và khí đốt. Quy mô bình quân cho một dự án NLTT trên 48 triệu USD/dự án, cao hơn quy mô bình quân cho 1 dự án FDI (khoảng 13 triệu USD/dự án), nhưng thấp hơn nhiều so với quy mô vốn đầu tư bình quân cho một dự án trong ngành sản xuất điện (khoảng 115 triệu USD).

Năm 2009, có 2 dự án FDI về năng lượng đầu tư vào Việt Nam, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 90,5 triệu USD. Vốn FDI trong lĩnh vực này có giảm xuống trong năm 2013 sau đó tăng dần vào năm 2014. Năm 2015, vốn đăng ký vào lĩnh vực này đạt hơn 356 triệu USD.

Cơ cấu dự án NLTT: Sản xuất điện từ năng lượng gió thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký là 577 triệu USD, chiếm 74% tổng vốn đăng ký trong lĩnh vực NLTT. Đứng

Hình 1. Vốn đăng ký trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam, 2009 - 2016

Đơn vị: Triệu USD



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

thứ hai là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 137,38 triệu USD, chiếm 18% tổng vốn đăng ký của lĩnh vực này. Cuối cùng là dự án sản xuất điện sinh khối, với số vốn đầu tư đăng ký là 59,2 triệu USD, chiếm 8%.

Hầu hết các dự án FDI trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam được tập trung ở các tỉnh mà có thể sử dụng sức gió và năng lượng mặt trời như Ninh Thuận, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng. Trong đó, Ninh Thuận đứng đầu với tổng số vốn đầu tư đăng ký 224,67 triệu USD. Tiếp theo là các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng với tổng vốn đầu tư đăng ký cho các dự án năng lượng xanh lần lượt là 152 triệu USD, 120 triệu USD và 70 triệu USD.

Phân bổ vốn FDI trong lĩnh vực NLTT theo đối tác đầu tư: Tính đến năm 2016, đã có 9 nước đầu tư vào dự án FDI năng lượng xanh bao gồm Hàn Quốc, Đức, Pháp, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Singapore, Nga, Bỉ và Trung Quốc. Trong đó, đứng đầu là nhà đầu tư Hàn Quốc với tổng vốn đầu tư đăng ký trên

371 triệu USD, chiếm 48%. Đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký là 226,68 triệu USD, chiếm 29,3% tổng vốn đầu tư đăng ký trong lĩnh vực năng lượng xanh. Tiếp theo là các nhà đầu tư Pháp, Ấn Độ và Hoa Kỳ với tổng vốn đầu tư đăng ký lần lượt là 77,12 triệu USD, 59,22 triệu USD và 26 triệu USD.

Giai đoạn 2017 - 2022: Giai đoạn "bùng nổ" các dự án NLTT, đặc biệt là năng lượng mặt trời và điện gió

Thời gian gần đây, năng lượng sạch, NLTT có sức hấp dẫn đặc biệt với dòng vốn FDI. Đây là tín hiệu tốt nhằm đảm bảo nhu cầu năng lượng cho phát triển đang tăng mạnh tại Việt Nam. Theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được Chính phủ phê duyệt², tổng công suất lắp đặt nguồn điện cả nước sẽ tăng từ 47 nghìn MW hiện nay lên đến 146 nghìn MW vào năm 2030. Như vậy, hơn 80 nghìn MW nguồn điện mới cần phải được xây dựng và đưa vào vận hành trong khoảng 10 năm tới, cùng với đó là cơ sở hạ tầng truyền tải và phân phối.

2 Theo Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21/7/2011.

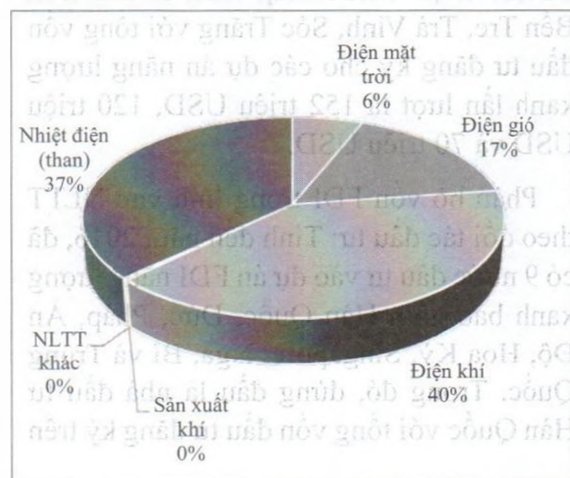
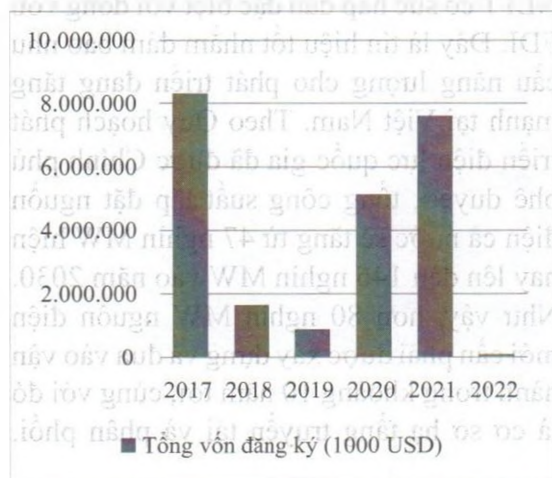
Ưu tiên của Việt Nam trong giai đoạn này là đẩy mạnh phát triển NLTT như điện mặt trời, điện gió... và giảm dần sự phụ thuộc vào các dạng năng lượng phát điện truyền thống. Tính toán của Bộ Công Thương cho thấy, Việt Nam sẽ thiếu hơn 13 tỷ kWh vào năm 2023. Để bù đắp sản lượng thiếu hụt này, ước tính từ nay đến năm 2030 cần hơn 12 tỷ USD mỗi năm để đầu tư nguồn điện mới. Với nhu cầu lớn như vậy, Việt Nam đã trở thành thị trường hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Thực tế, lĩnh vực năng lượng đang trở thành lĩnh vực hấp dẫn vốn FDI lớn thứ ba trong số các ngành, lĩnh vực của Việt Nam sau công nghiệp chế biến, chế tạo và hoạt động kinh doanh bất động sản. Tổng vốn đăng ký vào lĩnh vực năng lượng từ năm 2017 đến tháng 8/2022 đạt 23,7 tỷ USD. Trong đó, năm 2017, vốn đăng ký đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tăng mạnh, song vốn đăng ký chủ yếu vào nhiệt điện (than) với 7,4 tỷ USD, trong đó NLTT (điện gió, điện mặt trời và NLTT khác) chỉ đạt 864 triệu USD. Đến năm 2018, vốn đăng ký vào lĩnh vực NLTT đã tăng gấp đôi so với năm trước (đạt 1,6 tỷ USD) và không có dự án nhiệt điện.

Năm 2020 - 2021, dù chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, vốn FDI vào Việt Nam vẫn tăng khá. Cụ thể, năm 2020, lĩnh vực năng lượng thu hút khoảng 5,1 tỷ USD, chiếm 18% tổng vốn đầu tư đăng ký (tổng vốn thu hút FDI năm 2020 đạt 28,53 tỷ USD), cao gấp 38 lần so với 5 năm trước đó. Trong đó, vốn đầu tư đăng ký vào điện mặt trời đạt gần 19 triệu USD; điện gió hơn 1 tỷ USD và điện khí 4 tỷ USD. Đến năm 2021, tổng vốn đăng ký vào lĩnh vực năng lượng tiếp tục tăng, đạt gần 7,6 tỷ USD. Trong đó, vốn đầu tư vào điện mặt trời đạt 5 triệu USD; điện gió đạt 835 triệu USD; điện khí đạt 5,45 tỷ USD và nhiệt điện (than) đạt 1,3 tỷ USD.

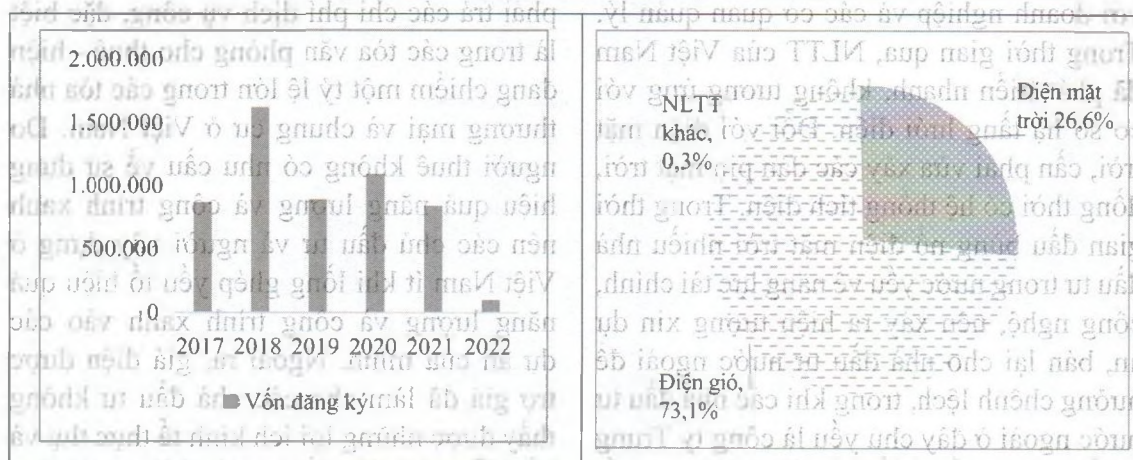
Trong giai đoạn 2017 - 2022, Việt Nam có 83 dự án đầu tư vào lĩnh vực NLTT với tổng vốn đạt 5,4 tỷ USD, chiếm 22,8% trong tổng vốn đăng ký vào lĩnh vực năng lượng. Giai đoạn này có tới 40 dự án điện mặt trời, 41 dự án điện gió, với tỷ lệ vốn đăng ký tương ứng chiếm 26,6% và 73,1% vốn đăng ký của nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực NLTT và tương ứng 6% và 17% vốn đăng ký vào lĩnh vực năng lượng nói chung (Hình 3). Nhiều dự án FDI lớn của những tập đoàn

Hình 2. Tình hình thu hút vốn FDI vào lĩnh vực năng lượng, 2017 - 8/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hình 3. Tình hình đầu tư FDI vào lĩnh vực NLTT, 2017 - 8/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

lớn trên thế giới đã đầu tư vào lĩnh vực năng lượng nói chung và NLTT nói riêng tại Việt Nam³.

Các dự án đầu tư vào lĩnh vực NLTT chủ yếu là hình thức 100% vốn nước ngoài (49 dự án) hoặc hình thức liên doanh (29 dự án).

3.3. Một số vấn đề còn tồn tại

Việc điều chỉnh các chính sách thu hút FDI phát triển NLTT (Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020) đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp NLTT phát triển mạnh nhưng cùng với đó là tình trạng phát

Bảng 1. Hình thức vốn FDI vào lĩnh vực NLTT, 2017 - 8/2022

Năm	Hình thức đầu tư		
	100% vốn nước ngoài	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	Liên doanh
2017	8		1
2018	9	1	7
2019	4		9
2020	9		7
2021	11	4	4
2022	8		1
Tổng	49	5	29

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

3 - Như Dự án Nhà máy điện LNG Long An I và II (Singapore) với tổng vốn đăng ký hơn 3,1 tỷ USD, Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn II (Nhật Bản) với tổng vốn đăng ký trên 1,31 tỷ USD, dự án Nhà máy Điện khí LNG Bạc Liêu (Trung tâm Nhiệt điện LNG tỉnh Bạc Liêu) có công suất thiết kế 3.200 MW, tổng vốn đầu tư 4 tỷ USD do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Delta Offshore Energy Pte. Ltd (DOE Singapore) đầu tư với mục tiêu sản xuất khí tự nhiên hóa lỏng LNG. Đặc biệt, tại diễn đàn cấp cao năng lượng Việt Nam 2020 được tổ chức vào cuối tháng 7/2020 cũng có 5 bản ghi nhớ được ký kết về việc hợp tác nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án điện khí LNG, điện gió ngoài khơi giữa các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Thừa Thiên - Huế, ngân hàng, nhà đầu tư, nhà thầu chế tạo trong nước, với tổng giá trị dự kiến của các dự án hơn 20 tỷ USD. Trong đó, riêng Tập đoàn Copenhagen Infrastructure Partners (Đan Mạch) đã ký Biên bản ghi nhớ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận phát triển điện gió ngoài khơi La Gàn (Bình Thuận) có tổng công suất lên tới 3,5GW. Với chi phí vốn đầu tư ước khoảng 10 tỷ USD, đây được đánh giá là một trong những dự án điện gió ngoài khơi quy mô lớn đầu tiên tại Việt Nam.

triển quá “nóng”, lại trở thành rào cản đối với doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Trong thời gian qua, NLTT của Việt Nam đã phát triển nhanh, không tương ứng với cơ sở hạ tầng lưới điện. Đối với điện mặt trời, cần phải vừa xây các dàn pin mặt trời, đồng thời có hệ thống tích điện. Trong thời gian đầu bùng nổ điện mặt trời nhiều nhà đầu tư trong nước yếu về năng lực tài chính, công nghệ, nên xảy ra hiện tượng xin dự án, bán lại cho nhà đầu tư nước ngoài để hưởng chênh lệch, trong khi các nhà đầu tư nước ngoài ở đây chủ yếu là công ty Trung Quốc, sản xuất thiết bị điện tái tạo xuất sang Việt Nam. Ngoài ra, còn có hiện tượng xây dựng các trạm điện mặt trời, lấn chiếm đất rừng, đất nông nghiệp và đất thổ cư. Hầu như toàn bộ thiết bị trong lĩnh NLTT Việt Nam phải nhập khẩu, trong khi doanh nghiệp trong nước chưa sản xuất được, đây là vấn đề cần cân nhắc khi thu hút vốn FDI vào sản xuất NLTT.

Đối với điện mặt trời, cơ chế hỗ trợ theo biểu giá điện ưu đãi (giá FIT) trong 20 năm đã bộc lộ một số mặt hạn chế như: Quá tải đường truyền khi các nhà đầu tư ồ ạt làm điện mặt trời mái nhà để được nhận giá ưu đãi gần hết hạn như trong thời gian qua. Thực tế, đầu tư điện mặt trời cũng gây nên một số hệ lụy cho không ít nhà đầu tư, khi điện sản xuất ra nhưng không thể phát do quá tải đường truyền. Đó là hậu quả từ việc phát triển nóng, ồ ạt mà chính cơ quan quản lý không lường trước được. Hiện các ngân hàng thương mại đã có động thái hạn chế cho vay đầu tư vào lĩnh vực NLTT hoặc cho vay với lãi suất kém hấp dẫn, ít hỗ trợ cho doanh nghiệp. Hơn nữa, thị trường phát triển quá nóng dẫn tới mức giá biến động lớn trước các đợt chốt giá, đẩy một số doanh nghiệp trong lĩnh vực này phải gánh lãi suất cao trong khi lợi nhuận kinh doanh giảm.

Thiếu các ưu đãi thị trường: Tương tự như ở các quốc gia khác, các chủ đầu tư

và người xây dựng công trình nhà ở không phải trả các chi phí dịch vụ công, đặc biệt là trong các tòa văn phòng cho thuê - hiện đang chiếm một tỷ lệ lớn trong các tòa nhà thương mại và chung cư ở Việt Nam. Do người thuê không có nhu cầu về sử dụng hiệu quả năng lượng và công trình xanh nên các chủ đầu tư và người xây dựng ở Việt Nam ít khi lồng ghép yếu tố hiệu quả năng lượng và công trình xanh vào các dự án của mình. Ngoài ra, giá điện được trợ giá đã làm cho các nhà đầu tư không thấy được những lợi ích kinh tế thực thụ và hấp dẫn của việc đầu tư vào hiệu quả năng lượng và NLTT và những người sử dụng điện thường không coi việc đầu tư vào hiệu quả năng lượng là nhiệm vụ ưu tiên.

Rào cản về công nghệ: Việc thích nghi và chuyển sang áp dụng các thiết kế và kỹ thuật hiện đại về hiệu quả năng lượng là một quá trình diễn ra chậm do thiếu năng lực kỹ thuật trong thiết kế công trình hiệu quả năng lượng. Việt Nam chưa nhận thức và chưa thấy được vai trò quan trọng của các công ty dịch vụ năng lượng để hỗ trợ cho việc đầu tư vào hiệu quả năng lượng. Các công ty dịch vụ năng lượng hiện tại chủ yếu là các công ty tư vấn kỹ thuật có ít kinh nghiệm về vận hành và quản lý các hợp đồng về hiệu quả năng lượng. Các nhà quản lý và xây dựng công trình chưa thấy được sự cần thiết của việc cho các công ty dịch vụ năng lượng này tham gia vào hỗ trợ thiết kế và thực hiện các dự án về hiệu quả năng lượng.

Thu hút vốn FDI vào phát triển điện sinh khối còn thấp: Cho đến nay, tổng công suất các nhà máy điện sinh khối vẫn còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng công suất điện tại Việt Nam, thu hút vốn FDI vào lĩnh vực này cũng thấp. Đối với dự án điện sinh khối, cần vốn đầu tư ban đầu lớn, song phát triển điện sinh khối khó khăn do khả năng cung cấp nhiên liệu ở Việt Nam không ổn định và thiếu tính bền vững, giá nguyên

liệu thường xuyên thay đổi theo mùa vụ. Nguyên nhân là do cơ chế giá FIT cho điện sinh khối thấp, chưa có quy hoạch vùng nguyên, nhiên liệu cho phát triển các dự án điện sinh khối. Các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển NLTT trong thời gian gần đây đã mở ra xu hướng thu hút vốn FDI vào lĩnh vực NLTT, làm cho dòng vốn FDI vào các dự án NLTT tại Việt Nam ngày càng tăng.

Hệ thống pháp lý thu hút đầu tư chưa hoàn chỉnh, chưa có giải pháp đảm bảo hiệu quả cho các nhà đầu tư khi tham gia vào thị trường NLTT. Cơ chế ưu đãi, khuyến khích đã thúc đẩy NLTT của Việt Nam phát triển quá nhanh, không tương ứng với hạ tầng lưới điện, làm cho nhiều khu vực phải cắt giảm công suất phát của các nhà máy NLTT do lưới điện bị quá tải... ảnh hưởng đến lợi nhuận của các nhà đầu tư. Tổng công suất đặt của hệ thống điện cuối năm 2021 gần 80 GW, điện gió và điện mặt trời (bao gồm điện mặt trời áp mái) chiếm lần lượt khoảng 7% và 22% tổng công suất của hệ thống. Do vậy, dự kiến, giai đoạn 2021 - 2025, hệ thống điện Việt Nam sẽ tiếp tục tiết giảm nguồn NLTT. Hiện nay, Trung tâm Điều phối hệ thống điện Quốc gia của Việt Nam đã thông báo tạm ngừng phê duyệt mới cho các dự án năng lượng mặt trời và gió, do việc phát triển nhanh của năng lượng mặt trời và gió đang làm quá tải hệ thống lưới điện quốc gia. Điều này cho thấy chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực này chưa có lộ trình xuyên suốt, làm ảnh hưởng đến khả năng thu hút vốn FDI. Ngoài ra, còn làm giảm cam kết của các nhà đầu tư trong việc triển khai các dự án theo quy hoạch.

Việc triển khai cơ chế đấu thầu giá bán điện NLTT nhằm chọn được nhà thầu uy tín trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo chất lượng dự án, song cần tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp không

kịp hưởng giá FIT. Cụ thể, theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam và Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg về cơ chế cho điện mặt trời, cơ chế giá điện FIT có hiệu lực đến ngày 30/12/2020, Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg áp dụng cơ chế giá điện FIT cho dự án điện gió vận hành thương mại trước ngày 01/11/2021. Những cơ chế này đã có nhiều ưu đãi, đặc biệt là ưu đãi về giá, là một trong những nguyên nhân thúc đẩy thu hút vốn FDI vào lĩnh vực NLTT ở Việt Nam trong thời gian qua. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hết thời hạn hiệu lực của các quy định trên, còn 62 dự án điện NLTT, cả nhà đầu tư trong nước và FDI không kịp hoàn thành để hưởng mức giá FIT ưu đãi trong 20 năm như quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước đó. Vì vậy, việc không được hưởng giá ưu đãi sẽ gây thiệt lớn cho nhà đầu tư khi không gia hạn giá FIT mà sẽ chuyển sang cơ chế đấu thầu, đặc biệt là các dự án điện gió, bởi suất đầu tư trung bình của 1 W điện gió là rất lớn, khoảng 1,4 triệu USD.

Quy trình cấp phép đầu tư, phát triển, xây dựng, vận hành dự án đối với các dự án NLTT vẫn còn tồn nhiều thời gian và phức tạp đối các nhà đầu tư. Ngoài ra, hiện các doanh nghiệp tư nhân (nhất là các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh tiêu thụ điện lớn) cũng mong muốn mua điện từ nguồn NLTT trực tiếp từ các nhà sản xuất điện tư nhân (ngoài phương án mua điện từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa có hướng dẫn về cơ chế mua bán điện trực tiếp, trong khi cơ chế này có vai trò lớn trong việc huy động nguồn vốn tư nhân trong các dự án NLTT mới và quy mô.

Vấn đề môi trường trong chính sách thu hút vốn FDI vào NLTT chưa được quy định cụ thể: Đối với các dự án điện mặt trời, xử lý các tấm pin quang điện sau khi

hết hạn sử dụng để không ảnh hưởng đến môi trường là vấn đề cần được quan tâm. Trên thế giới, tất cả các hãng sản xuất ra tấm pin quang điện (như Hoa Kỳ, Đức, Canada, Nhật Bản...) sau khi bán cho các công ty xây dựng nhà máy sản xuất điện đều có những hợp đồng có điều khoản thu hồi lại các tấm pin hết hạn để tái sử dụng. Do vậy, cần chọn lọc những dự án chất lượng, đặc biệt là các dự án FDI, đảm bảo yếu tố BVMT.

4. Một số hàm ý chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Có thể thấy, việc gia tăng thu hút vốn FDI vào phát triển lĩnh vực NLTT sẽ là điều kiện quan trọng giúp giảm phát thải nhà kính, cải thiện tích cực đối với môi trường và đảm bảo phát triển kinh tế bền vững. Do đó, Việt Nam cần tiếp tục điều chỉnh và thay đổi về chính sách nhằm chuyển dịch từ chính sách “mở cửa” bị động đối với vốn FDI sang chính sách “gõ đúng cánh cửa” có tính chủ động cao để thu hút các loại hình đầu tư mà Việt Nam thực sự cần đến tại thời điểm này, cụ thể như:

Ưu tiên tối đa cho việc xây dựng khung chính sách hoàn chỉnh cho phát triển NLTT với mục tiêu đảm bảo một tương lai năng lượng bền vững, ít rủi ro và giá thành hợp lý. Thể chế hóa các quy định pháp luật thông qua việc xây dựng Luật NLTT nhằm huy động hiệu quả các nguồn lực phát triển NLTT; xây dựng các cơ chế hỗ trợ hiệu quả cho NLTT và đảm bảo việc vận hành hiệu quả. Xác định thứ tự ưu tiên cho các loại NLTT, theo đó ưu tiên phát triển năng lượng gió, năng lượng mặt trời và năng lượng sinh khối bởi đây sẽ là những nguồn NLTT có tiềm năng lớn trong giảm phát thải khí nhà kính. Bên cạnh đó, cần đảm bảo đầu tư hiệu quả cho từng dạng NLTT phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

của đất nước theo từng thời kỳ, tránh đầu tư và hỗ trợ dàn trải, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động NLTT một cách tổng thể.

Các chính sách phát triển NLTT cần được liên tục cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của từng loại hình năng lượng cụ thể, theo từng giai đoạn nhất định.

Xây dựng, ban hành cơ chế đấu thầu giá điện cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn cụ thể để áp dụng ngay sau khi hết thời hạn áp dụng giá FIT, phù hợp với lộ trình thị trường điện. Xây dựng ban hành các tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật và quy trình kiểm định chất lượng thiết bị điện mặt trời áp mái, làm căn cứ thúc đẩy thị trường minh bạch, cạnh tranh, đảm bảo chất lượng từ khâu lắp đặt, vận hành, bảo trì hệ thống. Xây dựng mô hình hợp đồng mua bán điện trực tiếp, thực hiện thí điểm và lựa chọn mô hình phù hợp nhất với Việt Nam. Cơ chế hợp đồng mua bán điện trực tiếp sẽ sớm đạt được các mục tiêu về NLTT thông qua thu hút đầu tư và đáp ứng nhu cầu của nhiều doanh nghiệp hàng đầu của nhiều doanh nghiệp hàng đầu đang muốn mở rộng hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Quy trình cấp phép đầu tư, phát triển, xây dựng vận hành dự án cần được cải cách và đảm bảo quy định. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, trong đó có thực hiện cơ chế một cửa liên thông, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước khác nhau khi thực hiện các thủ tục về đầu tư, quy hoạch, đất đai, xây dựng... để cắt giảm các chi phí hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả đầu tư của khu vực tư nhân cũng như hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Trong đó, việc cần đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian lập quy hoạch và bổ sung các dự án vào quy hoạch là một trong các nhóm thủ tục cần sớm được cải thiện.

Tăng cường các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư vào cải thiện cơ sở hạ tầng lưới điện đồng bộ với quy mô phát triển NLTT; chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ NLTT.

Khuyến khích, ưu tiên phát triển các dự án gần cùng có nhu cầu phụ tải tập trung, quy mô phát triển các nguồn NLTT phải phù hợp, đồng bộ với khả năng truyền tải, khuyến khích phát triển các dự án phát điện phân tán, không cần lưới truyền tải. Xem xét cơ chế tài chính đặc thù cho các dự án lưới điện đồng bộ với nguồn NLTT để thúc đẩy tiến độ các dự án lưới điện này và tăng khả năng tích hợp cao các nguồn NLTT vào hệ thống.

Nhà nước cần có phương án hỗ trợ tín dụng cho hoàn thiện cơ sở hạ tầng của các dự án NLTT, trong đó đẩy mạnh việc tiếp cận tín dụng xanh. Ngân hàng Nhà nước cần hoàn thiện hướng dẫn và xây dựng cơ chế cho tín dụng xanh, ưu tiên giới hạn tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng cho vay vào các dự án năng lượng xanh hằng năm; giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc hoặc tăng cho vay tái cấp vốn cho các tổ chức tín dụng có tỷ lệ dư nợ tín dụng NLTT cao. Ngoài ra, cần có các cơ chế khuyến khích, tăng cường đầu tư vào điện sinh khối trong đó quan trọng nhất là cơ chế hỗ trợ người dân vùng nguyên liệu, cơ giới hóa, đầu tư nghiên cứu về công nghệ nhằm hướng tới mục tiêu phát triển nền năng lượng cac-bon thấp

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Cục Đầu tư nước ngoài (2018), *Nghiên cứu xây dựng chỉ số FDI xanh và giải pháp thu hút FDI xanh vào Việt Nam trong thời gian tới*, Đề án xúc tiến đầu tư nước ngoài, Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Cục Đầu tư nước ngoài (2013), *Kỷ yếu 25 năm đầu tư nước ngoài*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
3. Lâm Dương (2021), *Phát huy vai trò của FDI trong phát triển kinh tế đất nước*.
4. Nguyễn Thị Liên Hoa, Trần Phương Hồng Hạnh và Bùi Anh (2009), *Thu hút FDI “sạch” cho phát triển bền vững nền kinh tế Việt Nam*, Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh, Bản tin kinh tế - xã hội số tháng 12/2009.
5. Nguyễn Thị Ngọc Loan (2018), *Thu hút FDI “xanh” gắn với mục tiêu phát triển bền vững*, Học viện Ngân hàng.

6. Phạm Thị Thanh Mai (2017), *Nghiên cứu phát triển nguồn điện từ NLTT trong quy hoạch nguồn điện Việt Nam đến năm 2030*, Luận án Tiến sỹ, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Tiếng Anh

7. Görg, H., & Strobl, E.(2004), *Foreign Direct Investment and Local Economic Development: Beyond Productivity Spillovers*, GEP The Leverhulme Centre for Research on Globalisation and Economic Policy, University of Nottingham, 137 - 157.
8. Thanh Quang Phung, Ehsan Rasoulinezhad and Hang Luong Thi Thu (2022), *How Are FDI and Green Recovery Related in Southeast Asian Economies?*, Economic Change and Restructuring.
9. Zarsky, L. (1999), *Havens, Halos and Spaghetti: Untangling the Evidence About the Relationship Between Foreign Investment and the Environment*, Special Reports, 47 - 74.